

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2024

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2020 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Bà H và ông P đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà H và ông P có 01 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 11/6/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Văn P: Ông P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Trần Văn P cư trú tại N, xã H, huyện T, tỉnh Long An đúng như đơn khởi kiện của nguyên đơn đã cung cấp. Tuy nhiên, ông P đã bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú. Bà H khởi kiện xin ly hôn với ông P. Tòa án xét thấy, bà H đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của ông P so với địa chỉ đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con và đúng với xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, ông P đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bà H cũng như cơ quan, tổ chức có

thẩm quyền về địa chỉ nơi cư trú hiện nay nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (B2 03 kỳ liên tiếp, Đ 03 kỳ liên tiếp) theo yêu cầu của bà H nhưng ông P vẫn vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét thấy đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 97, 105, 179, 180 Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 23, Quyển số 01/2011, ngày 09/02/2011 nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày trong thời gian chung sống, giữa bà và ông P chung sống với nhau có hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến năm 2020 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do giữa vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau, ông P thường xuyên đi làm xa nhà, cuộc sống không có hạnh phúc nên đã bà H và ông P sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, giữa bà H và ông P mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, hiện nay ông P đã đi làm tại đâu bà H không biết. Do đó, bà H cương quyết xin được ly hôn với ông P.

Ông Trần Văn P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến của bà về yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông P đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Đồng thời, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy

có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, bà H và ông P có 01 con chung tên chưa thành niên tên Trần Gia B, sinh ngày 11/6/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Trần Gia B có văn bản nêu nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy trong thời gian ông P và bà H sống ly thân, con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và bà vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên.

Ông P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn P.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Lê Trần Gia B1, sinh ngày 11/6/2011.

Sau khi ly hôn, ông Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng số tiền là 4.016.500đ (Bốn triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) bà Nguyễn Thị H phải chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0002007 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Long An; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã An Nhơn Tây, Củ Chi, TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ